UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1643 /BC-SNNMT

Điện Biên, ngày 06 tháng6 năm 2025

BÁO CÁO
Tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ và phát triển thị trường nông sản; giá một số mặt hàng nông sản tháng 05 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Thực hiện Văn bản số 8174/BNN-CBTTNS ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc cử đầu mối triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ công tác chế biến và phát triển thị trường nông sản. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên báo cáo tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ và phát triển thị trường nông sản; giá một số mặt hàng nông sản tháng 05 năm 2025 trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Tình hình sản xuất, chế biến và phát triển thị trường nông sản; giá một số mặt hàng nông sản

1.1. Cây lương thực, thực phẩm

1.1.1. Lúa, gạo

Vụ lúa Đông Xuân năm 2024-2025: toàn tỉnh gieo cấy được 9.763,24 ha, đạt 99,73% theo kế hoạch, giảm 67,93 ha so với vụ Đông Xuân năm 2023-2024, năng suất ước đạt 60.78 tạ/ ha. Trong đó: Giống lúa thuần chiếm 78,05% tổng diện tích gieo cấy; Giống lúa lai và các giống địa phương khác chiếm 21,96% tổng diện tích gieo cấy.

Diễn biến giá thóc, gạo: Trong tháng 5, giá thóc, gạo tăng so với tháng 04 năm 2025 do nhu cầu mua sắm tăng mạnh của du khách thập phương và nhân dân địa phương trong dịp nghỉ lễ 30/4-1/5, Kỷ niệm 71 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 7/5 và Lễ Phật đản. Tuy nhiên, nhờ dự báo tình hình thị trường, sự kiểm soát giá cả sát sao của các cơ quan chức năng và nguồn cung thóc, gạo dồi dào nên không xảy ra tình trạng khan hiếm hoặc đẩy giá gạo lên cao. Cụ thể:

- Giá bán lẻ các loại thóc: Thóc tẻ thường (Đài thơm, Dự Hương, vai gãy, J02...) 10.000-12.000đ/ kg (tăng 1.000đ/ kg so với tháng 4); Thóc tẻ ngon 15.000-17.000đ/ kg; Thóc nếp nương 20.000-22.000đ/ kg (tăng 4.000-5.000đ/ kg so với tháng 4).

- Giá bán lẻ các loại gạo: Gạo tẻ thường (Đài thơm, Dự Hương, vai gãy, J02...) dao động khoảng 17.000-18.000đ/ kg (giữ giá so với tháng 4); Gạo tẻ ngon 27.000-30.000đ/ kg (giảm 2.000đ/ kg so với tháng 4); Gạo Nếp nương dao động khoảng 35.000-37.000đ/ kg (tăng 3.000-4.000đ/ kg so với tháng 4).

Dự báo: Trong thời gian tới giá thóc, gạo có xu hướng giảm do nguồn cung tăng (vụ lúa Đông Xuân vào mùa thu hoạch) và nhu cầu thị trường giảm.

1.1.2. Rau màu

Tổng diện tích rau màu toàn tỉnh gieo trồng từ đầu năm đến thời điểm báo cáo là 33.596,1 ha, đạt 108,7% so với cùng kỳ năm trước (CKNT). Trong đó: Ngô 16.564,69 ha, đậu tương 122,5 ha, lạc 524,07 ha, khoai lang 265,4 ha, khoai tây 7 ha, sắn 13.612,05 ha, rau đậu các loại 2.500,37 ha.

Diễn biến giá cả: Trong tháng 5, thời tiết có mưa sớm từ đầu tháng và nhiều hơn so với cùng kỳ năm ngoái, tạo điều kiện thuận lợi cho một số loại rau màu đúng mùa phát triển sớm nhưng cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ bệnh hại ảnh hưởng đến năng suất do mưa ẩm kéo dài hoặc mưa nắng thất thường. Tuy nhiên, công tác phòng trừ dịch hại được chỉ đạo sát sao nên hầu hết diện tích nhiễm sâu bệnh đều được xử lý, hạn chế thấp nhất thiệt hại, không ảnh hưởng nhiều đến khả năng cung ứng và giá rau ngoài thị trường. Theo điều tra giá một số mặt hàng phổ biến tại chợ đầu mối: Rau muống 17.000-19.000đ/ kg; Rau mồng tơi 20.000-23.000đ/ kg; Đọt rau lang 9.000-10.000đ/ kg; Rau cải các loại 13.000-15.000đ/ kg (giảm 2.000đ/ kg so với tháng 4); Rau thơm các loại trung bình 20.000-25.000đ/ kg; Đậu cove, đậu đũa dài 20.000-25.000đ/ kg; Cà tím 15.000- 18.000đ/ kg; Bí xanh quả 15.000-17.000đ/ kg (không tăng so với tháng 4); Mướp hương 12.000-15.000đ/ kg; Dưa chuột, dưa mèo 12.000-20.000đ/ kg...

Dự báo: Trong thời gian tới, giá các loại rau màu theo mùa có xu hướng giảm nhẹ do điều kiện thời tiết thuận lợi để phát triển.

1.1.3. Cây ăn quả

Hiện nay các địa phương vẫn đang tiếp tục tập trung chăm sóc, đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt. Một số loại quả trồng tại địa phương: ổi, cam, bưởi, dứa,... đã được thu hoạch và xuất đi các tỉnh khác như Hà Nội, Sơn La, Thái Bình... với số lượng lớn và được giá. Một số loại quả đang chuẩn bị vào mùa thu hoạch: vải, nhãn...

Diễn biến giá cả: Theo điều tra giá tại chợ đầu mối: Mặt hàng quả tươi được cung cấp từ nguồn trồng trên địa bàn tỉnh và nhập ở các địa phương khác với đa dạng chủng loại, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng: Chanh leo 25.000đ/ kg; Mít 35.000-40.000đ/ kg; Chôm chôm 65.000đ/ kg; Dưa hấu 15.000-20.000đ/ kg; Dưa lê 30.000đ/ kg; Dứa (tuỳ kích cỡ quả) 10.000-20.000đ/ kg (tăng 5.000đ/ kg so với tháng 4); Ổi 20.000-30.000đ/ kg (giảm 5.000đ/ kg so với tháng 4)... Một số mặt hàng có giá ổn định, không tăng so với tháng 4 là Chanh quả tươi 30.000-35.000đ/ kg; Dưa lưới 35.000-40.000 đ/ kg; Cam sành 20.000-30.000đ/ kg; Thanh Long 20.000-35.000đ/ kg... Một số mặt hàng có mức dao động giá lớn: Mận 25.000-65.000đ/ kg; Vải 60.000-120.000đ/ kg; Táo 80.000-140.000đ/ kg... do phụ thuộc vào phân loại và nhà cung cấp.

Dự báo: Trong thời gian tới, nguồn cung trên thị trường ổn định, giá các loại quả không có biến động lớn.

1.1.4. Ngô

Tính đến thời điểm báo cáo, diện tích gieo trồng cây ngô trên địa bàn tỉnh

ước đạt 16.564,69 ha.

Diễn biến giá: Giá ngô hạt dùng trong chăn nuôi 6.000- 7.000đ/ kg (không tăng so với tháng trước); Ngô nếp tím 12.000-15.000đ/ kg.

Dự báo: Trong thời gian tới, giá ngô ổn định, không biến động lớn.

1.1.5. Cây lấy hạt chứa dầu

Tính đến thời điểm báo cáo, diện tích gieo trồng cây lạc, đậu tương trên địa bàn tỉnh ước đạt 646,57 ha, tăng 58,31 ha so với CKNT, trong đó diện tích trồng cây lạc là 524,07 ha (tăng 45,8 ha so với CKNT), cây đậu tương là 122,5 ha (tăng 12,6 ha so với CKNT).

Diễn biến giá: Lạc nhân đỏ 65.000-80.000đ/ kg; Lạc nhân trắng 45.000-50.000đ/ kg; Đậu tương 14.000-30.000đ/ kg (tùy thuộc vào chất lượng và nhu cầu sử dụng cho chăn nuôi hay trong chế biến thực phẩm).

Dự báo: Trong thời gian tới, giá các loại lạc và đậu tương duy trì ổn định, không biến động lớn.

1.1.6. Cây lấy củ chứa bột

Tính đến thời điểm báo cáo, diện tích gieo trồng khoai lang đạt 265,4 ha (tăng 102,47 ha so với CKNT); khoai tây đạt 7 ha (giảm 146,52 ha so với CKNT); sắn đạt 13.612,05 ha (tăng 2.302,12 ha so với CKNT);

Diễn biến giá: Khoai lang 20.000-25.000đ/ kg (không tăng so với tháng trước); Khoai tây 25.000-30.000đ/ kg; Sắn tươi cao sản dùng trong chăn nuôi 1.200-1.800đ/ kg (tuỳ thuộc hàm lượng bột, thương lái và địa điểm thu mua).

1.2. Cây công nghiệp

Cây cà phê: Diện tích hiện có 4.748,64 ha, đạt 85,56% kế hoạch năm; giá thu mua dao động từ 10.000-16.000đ/ kg.

Cây chè[1]: Giá búp chè tươi (cây thấp) 13.000đ/ kg (giảm 2.000đ/ kg so với tháng 4); Giá búp chè tươi (cây cao) dao động 60.000-170.000đ/ kg (giảm 20.000-80.000đ/ kg so với tháng 4).

Cây cao su: Diện tích hiện có 5.022,13 ha, sản lượng mủ cao su ước đạt 291,45 tấn, tăng hơn CKNT 143,58 tấn.

Cây mắc ca: Diện tích hiện có 10.307,5 ha.

1.3. Sản phẩm chăn nuôi

1.3.1 Tình hình sản xuất, tiêu thụ[2]

Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh phát triển tương đối ổn định, ước tính số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 5/2025 như sau: Trâu 139.856 con; Bò 103.950 con; Lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ) 303.069 con; Gia cầm (gà, vịt, ngan…) 5.019,81 con, trong đó Gà 3.877,29 con.

---

[1] Báo cáo số 139/BC-PNNMT ngày 22/5/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Tủa Chùa.

[2] Báo cáo tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thuỷ sản tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thống kê Điện Biên.

Dự ước số đầu con và sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong tháng và so với cùng kỳ năm trước: Trâu 850 con (tăng 3,53%), sản lượng ước đạt 246 tấn; Bò 1.100 con (tăng 2,23%), sản lượng ước đạt 234,31 tấn; Lợn 23.633 con (tăng 4,2%), sản lượng ước đạt 1226,63 tấn; Sản lượng thịt gia cầm ước đạt 462 tấn, trong đó thịt gà 321 tấn; Trứng gia cầm 7.448,3 nghìn quả (tăng 1,75%), trong đó Trứng gà 5090,46 quả.

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong tháng đều tăng so với cùng kỳ năm trước. Số con xuất chuồng và sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong tháng tăng do việc chăn thả đã dần chuyển sang nuôi nhốt tập trung, nuôi vỗ béo, tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trong sản xuất nông nghiệp phối trộn làm thức ăn để giảm chi phí đầu vào, tăng hiệu quả trong chăn nuôi, tăng trọng lượng bình quân thịt hơi xuất chuồng trên con của đàn gia súc, gia cầm nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận.

1.3.2 Diễn biến thị trường[3]

Các sản phẩm thịt gia súc: Theo điều tra giá thực tế tại các chợ dân sinh, chợ đầu mối tại một số huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh: Thịt lợn hơi 70.000-72.000đ/ kg, một kg thịt lợn có giá dao động từ 120.000-150.000đ/ kg (tuỳ loại); thịt bò bắp 220.000-250.000đ/ kg; thịt bò thăn 220.000-230.000đ/ kg; ba chỉ bò 150.000-180.000đ/ kg; thịt trâu bắp 200.000-250.000đ/ kg; thịt trâu thăn 230.000-250.000đ/ kg. Dự báo: Trong thời gian tới, giá các sản phẩm thịt gia súc có giá ổn định.

Các sản phẩm gia cầm: Trong tháng 5, giá thịt gia cầm đồng loạt tăng nhẹ do nhu cầu sử dụng dịp nghỉ lễ, Tết Đoan Ngọ tăng cao. Cụ thể: Gà ri thả vườn nuôi trên 05 tháng dao động từ 120.000-150.000đ/ kg, tuỳ thuộc vào chất lượng thịt (giữ giá so với tháng 4); Gà hơi công nghiệp 70.000 đồng/kg (tăng 5.000đ/ kg); Vịt 80.000-110.000đ/ kg (tăng 5.000-10.000đ/ kg so với tháng 4); Trứng gà dao động 2.500-5.000 đ/ quả; Trứng vịt dao động 2.000-3.000đ/ quả. Dự báo, trong thời gian tới: giá thịt gia cầm giảm nhẹ do nhu cầu tiêu dùng giảm, giá trứng ổn định, không biến động.

Thị trường tiêu thụ ngoại tỉnh: Trong tháng 5 đã thực hiện kiểm dịch động vật 930 con gia súc, 308 kg thị trâu bò xuất ngoài tỉnh; kiểm soát giết mổ 118 con gia súc.

1.3.3. Sản phẩm thủy sản[4]

Nuôi trồng và khai thác thuỷ sản trên địa bàn tỉnh được duy trì phát triển ổn định. Sản lượng thủy sản tháng 5 năm 2025 ước đạt 420,15 tấn, tăng 4,35% so với CKNT, trong đó: Cá 406,5 tấn (tăng 4,38% so với CKNT); Tôm 3,13 tấn (tăng 2,96% so với CKNT); Thủy sản khác 10,52 tấn (tăng 3,34% so với CKNT).

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2025, sản lượng thủy sản ước đạt 2.085,17 tấn (tăng 4,35% so với CKNT), trong đó: Cá đạt 2020,54 tấn (tăng 4,38% so với

[3] Khảo sát thực tế từ địa phương các huyện, thị xã, thành phố và chợ đầu mối trong tháng 5 năm 2025.
[4] Báo cáo tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thuỷ sản tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thống kê Điện Biên.

CKNT); Tôm 20,41 tấn (tăng 2,96% so với CKNT); Thủy sản khác 44,22 tấn, (tăng 3,34% so với CKNT).

Diễn biến giá các sản phẩm thủy sản ổn định: Cá Rô phi 35.000-50.000đ/ kg; Cá Chép 70.000-80.000đ/ kg; Tôm sông Đà 130.000đ/ kg.

Dự báo: Trong thời gian tới, giá sản phẩm thủy sản ổn định.

1.4. Phân bón

Do lúa sắp được thu hoạch, chuẩn bị bón bổ sung cho một số loại cây ăn quả như nhãn, vải, na, mít,… Một số mặt hàng phân bón tại thị trường tỉnh không có nhiều biến động. Cụ thể, Phân NPK hiệu đầu trâu Bình Điền: 7.660 đ/ kg; Phân Ure hiệu Bắc Hà: 13.300 đ/ kg.

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

2. Một số nhận định và dự báo

Đối với việc sản xuất các sản phẩm nông sản vẫn được duy trì ổn định, đảm bảo theo kế hoạch phát triển sản xuất đề ra, không có những biến động quá lớn do nông dân đã chủ động kế hoạch sản xuất và tình hình dịch bệnh cây trồng vật nuôi trên địa bàn tiếp tục được kiểm soát tốt nên nông dân yên tâm sản xuất. Dự báo trong thời gian tới thu hoạch vụ mùa nên giá lúa, gạo có xu hướng giảm. Giá nông sản, các loại thịt gia súc, gia cầm, thuỷ sản ổn định, không có biến động lớn.

Trên đây là báo cáo tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ và phát triển thị trường nông sản; giá một số mặt hàng nông sản tháng 5 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kính gửi Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường;
- UBND tỉnh (B/c);
- Giám đốc Sở (B/c);
- UBND các huyện, TX, TP;
- Các doanh nghiệp, HTX lĩnh vực nông nghiệp;
- Văn phòng Sở (Đăng trên trang TTĐT);
- Lưu: VT; CCPTNT&KTHT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lò Hồng Phong